

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **354/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 04 - 12 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan.

Bà Nguyễn Huỳnh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 654/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 333/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 273/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/11/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn K, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Võ Thị Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2020 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2003 anh K và chị Đ được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký K hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 21/0/2003 (Giấy chứng nhận K hôn số: 48/2003). Thời kỳ hôn nhân có 01 con chung tên Lê Võ Nhựt L, sinh 04/3/2005.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Anh K cho rằng vợ chồng bất đồng quan Đ trong cuộc sống, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, dẫn đến đời sống hôn

nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Anh K yêu cầu ly hôn với chị Đ; về con chung hiện nay anh K đang trực tiếp nuôi dạy, khi ly hôn con có nguyện vọng sống với ai người đó nuôi dạy, anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- **Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

- **Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 19/10/2020 có tại hồ sơ, thể hiện:** Cháu L có nguyện vọng được sống với anh K khi anh K và chị Đ ly hôn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, K quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mỗi quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị Đ được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký K hôn theo quy định pháp luật, nên mỗi quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, đồng thời phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Nhưng anh K và chị Đ chỉ vì đề cao quan Đ sống cá nhân của mỗi người dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến mỗi quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã triệu tập chị Đ 02 lần để hòa giải nhưng chị Đ đều không đến, nên có căn cứ xác định chị Đ không còn quan tâm gì đối với mỗi quan hệ hôn nhân giữa chị và anh K, do đó xác định anh K và chị Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mỗi quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với

các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho anh K được ly hôn với chị Đ là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận K hôn số: 48/2003 ngày 21/10/2003 của UBND xã K hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu L đã từ đủ 07 tuổi trở lên và có nguyện vọng được sống với anh K, do đó cần giao cho anh K trực tiếp nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, chị Đ có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với anh K, nếu chị Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh K không yêu cầu, xét thấy đây là sự tự nguyện của anh K và không trái với đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh K cho rằng tài sản chung và nợ chung không có, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị Đ về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên chưa có căn cứ làm rõ phần tài sản chung và nợ chung giữa anh K và chị Đ. Do đó, cần tách phần tài sản chung và nợ chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Anh K phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Đ a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh K đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Đ a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn K.

- Về hôn nhân: Cho anh Lê Văn K ly hôn với chị Võ Thị Đ.

Giấy chứng nhận K hôn số: 48/2003 ngày 21/10/2003 của UBND xã K hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho anh K trực tiếp nuôi dạy cháu Lê Võ Nhật L, sinh 04/3/2005. Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, chị Đ có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với anh K, nếu chị Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị Đ không phải cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh K phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh K đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004034 ngày 01/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- **UBND xã K;**
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải